

Bản án số: 03/2023/HS-PT
Ngày 06 - 01- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Lộc.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 298/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng nghị: Trương Bé T, sinh năm 1982 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; chỗ ở trước khi bị bắt: Tiệm bánh mì 4, đường D, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ làm bánh mì; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; con ông Trương Ri Đ và bà Bùi Thị N; bị cáo có vợ là Liêu Ngọc M, sinh năm 1982 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một bị hại nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2021, Trương Bé T đến làm thuê tại tiệm bánh mì 4, địa chỉ: khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do ông Trần Thanh Duy làm chủ. Do muốn mua bán đất để kinh doanh nhưng không có tiền, T này

sinh ý định đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đem thế chấp vay tiền.

Khoảng giữa tháng 02/2022, Trương Bé T sử dụng mạng xã hội Facebook truy cập vào trang có tên “Giấy tờ, bằng cấp” đặt làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy CNQSDĐ) thửa đất số 106, số BD723675, số vào sổ cấp GCN: CS02810/Tân Hưng ngày 21/12/2020 mang tên Trương Bé T với giá 10.000.000 đồng nhằm mục đích đem đi thế chấp vay tiền của người khác. Khi đặt làm tài liệu giả, T chỉ cung cấp thông tin lai lịch của T còn thông tin về thửa đất, sơ đồ, vị trí thửa đất do người làm giả tự đưa ra. Khoảng cuối tháng 02/2022, người làm giấy tờ giả gửi cho T 01 (một) Giấy CNQSDĐ số BD723675 đối với thửa đất số 106, diện tích 1.054,6 m², địa chỉ: ấp Suối Đôn, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh, Thuận nhận và thanh toán tiền cho người chuyển phát tài liệu.

Ngày 05/3/2022, T đến gặp anh Dương Thượng D làm nghề môi giới bất động sản đang ở tại nhà trọ Hữu Tân, cạnh đường XB1, tổ 1, khu phố 1, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thỏa thuận mua thửa đất số 525, tờ bản đồ số 44 ở huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo Giấy CNQSDĐ số 773369 của bà Nguyễn Thị Lan với giá 490.000.000 đồng.

Do không có tiền đặt cọc nên T đặt vấn đề sẽ thế chấp thửa đất số 106 theo Giấy CNQSDĐ giả số BD723675 của T nhưng ông D không đồng ý. Sau đó, ông D điện thoại cho ông Nguyễn Quốc H để giới thiệu cho T thế chấp vay tiền. Lúc này, ông H đang ngồi uống cà phê cùng ông Nguyễn Văn L nên hỏi ông L có tiền để cho vay thế chấp hay không thì ông L đồng ý.

Sau đó, ông H và ông L đến nhà trọ của D để gặp T. Tại đây, T hỏi sẽ thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD723675 để vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng hợp thức hóa bằng việc lập Hợp đồng ủy quyền thửa đất số 106 thì ông L đồng ý. Ông L yêu cầu lãi suất 3%/tháng, đặt cọc trước 100.000.000 đồng, hẹn sau khi công chứng ủy quyền sẽ đưa đủ phần tiền còn lại thì T đồng ý. Lúc này, ông L nhờ ông H đứng tên hợp đồng đặt cọc thửa đất số 106 theo Giấy CNQSDĐ số BD723675 nên ông H và T cùng làm hợp đồng và ký nhận đặt cọc. Sau khi ông H và T ký, lăn tay giấy biên nhận đặt cọc, theo yêu cầu của T, ông L đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 528288288 Ngân hàng ACB của ông D và 50.000.000 đồng vào tài khoản số 050002615433 Ngân hàng Sacombank của Trần Thanh Duy. Khi nhận được số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng từ ông L thì ông D chuyển số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Đ là người được ủy quyền hợp pháp đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 44 theo GCNQSDĐ số ĐĐ 773369.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng do ông L chuyển cho ông Duy, T yêu cầu ông Duy chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản số 0501290202161 Ngân hàng Sacombank của T để tiêu xài cá nhân, chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản của Đinh Công M mở tại Ngân hàng Quân đội để trả tiền mà T đã nợ bạn tên Tuấn Kiệt (không rõ lai lịch), số tiền còn lại T trả nợ cho ông Duy. Đối với số

tiền 200.000.000 đồng còn lại, ông L và T thỏa thuận đến ngày 10/3/2022 ra ký Hợp đồng ủy quyền tại phòng công chứng sẽ giao.

Sau đó, do T không có giấy tờ để ra công chứng ủy quyền quyền sử dụng đất thửa số 106 cho ông L nên T tiếp tục đặt làm giả các tài liệu gồm Sổ hộ khẩu và Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân mang tên Trương Bé T với giá 6.000.000 đồng. Đến trưa ngày 10/3/2022, T nhận được các loại giấy tờ đã đặt làm giả thông qua dịch vụ chuyên phát gồm:

- 01 Sổ hộ khẩu số: 141756028 đề ngày 31/08/2010 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “* CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ * CÔNG AN HUYỆN CỜ ĐỎ” và chữ ký của Thượng tá Trần Văn Dương – Phó Trưởng Công an huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- 01 bản photocopy Sổ hộ khẩu số: 141756028 đề ngày 31/08/2010 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “* S.Đ.K.H.Đ : 41020038 - C.T.H.Đ * QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH – VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 12” và chữ ký của Công chứng viên Trương Thị Nga.

- 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 11/UBND-XNTTHN đề ngày 03/03/2022 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “ * U.B.N.D XÃ TRUNG AN - HUYỆN CỜ ĐỎ - TP. CẦN THƠ” và chữ ký của ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Do ông Nguyễn Văn L không có đủ giấy tờ tùy thân nên ông L nhờ ông Hoàng Thành Tr đứng tên ký kết hợp đồng ủy quyền với T. Khoảng 16 giờ ngày 10/3/2022, ông L chuẩn bị sẵn số tiền 200.000.000 đồng trong tài khoản rồi cùng ông Tr, ông H đến Văn phòng Công chứng B, địa chỉ: khu phố 3B, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương gặp Thuận để công chứng hợp đồng ủy quyền QSDĐ.

Thuận cung cấp 04 tài liệu giả gồm: 01 Giấy CNQSDĐ số BD723675 thửa đất số 106, 01 Sổ hộ khẩu số 141756028, 01 bản photocopy công chứng Sổ hộ khẩu số 141756028 và 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 11 cho thư ký Văn phòng công chứng để soạn thảo hợp đồng. Sau khi soạn thảo, thư ký Văn phòng công chứng đưa cho T 04 (bốn) bản Hợp đồng ủy quyền với nội dung T ủy quyền cho ông Tr được quyền định đoạt đối với tài sản là thửa đất số 106 theo Giấy CNQSDĐ số BD723675 để ký, ghi xác nhận và lãn tay. Khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi T và ông Tr đã ký và lãn tay xong, chờ Công chứng viên xác nhận sau đó nhận số tiền 200.000.000 đồng, thì ông Phan Ngọc S là Công chứng viên nghi ngờ các tài liệu mà T cung cấp công chứng là giả nên đã báo Công an thị xã Bến Cát đến mời T làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD723675, số vào sổ cấp GCN: CS02810/Tân Hưng ngày 21/12/2020 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “ * CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * TỈNH BÌNH PHƯỚC – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG”

và chữ ký của ông Lê Văn Ngọc – Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước (ký hiệu A1);

- 01 Sổ hộ khẩu số: 141756028 đề ngày 31/08/2010 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “ * CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ * CÔNG AN HUYỆN CỜ ĐỎ” và chữ ký của Thượng tá Trần Văn Dương – Phó Trưởng Công an huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (ký hiệu A2);

- 01 bản photocopy Sổ hộ khẩu số: 141756028 đề ngày 31/08/2010 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “ * S.Đ.K.H.Đ : 41020038 - C.T.H.Đ * QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH – VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 12” và chữ ký của Công chứng viên Trương Thị Nga (ký hiệu A3);

- 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 11/UBND-XNTTHN đề ngày 03/03/2022 có hình dấu tròn đỏ với nội dung “ * U.B.N.D XÃ TRUNG AN - HUYỆN CỜ ĐỎ - TP. CẦN THƠ” và chữ ký của ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (ký hiệu A4);

- 01 Hợp đồng đặt cọc tiền (Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Trương Bé T” bên dưới mục “BÊN BÁN (A)”, có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Nguyễn Quốc H” bên dưới mục “BÊN MUA B” (ký hiệu A5);

- 01 bản in giấy than Hợp đồng đặt cọc tiền (Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Trương Bé T” bên dưới mục “BÊN BÁN (A)”, có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Nguyễn Quốc H” bên dưới mục “BÊN MUA B” (ký hiệu A6);

- 04 Hợp đồng ủy quyền đề ngày 10/3/2022 lập tại Văn phòng Công chứng Bình Dương có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Trương Bé T” bên dưới mục “Bên A”, có hai dấu vân tay và chữ ký ghi tên “Hoàng Thành Tr” bên dưới mục “Bên B” (ký hiệu A7 đến A10);

- 01 bản in giấy than Giấy biên nhận đặt cọc đề ngày 05/3/2022 có chữ ký và hai dấu vân tay ghi tên “Nguyễn Thị Huyền” bên dưới mục “BÊN A”, có chữ ký và hai dấu vân tay ghi tên “Trương Bé T” bên dưới mục “BÊN B”, có chữ ký và hai dấu vân tay ghi tên “Dương Thượng D” bên dưới mục “NGƯỜI LÀM CHỨNG”;

- 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, gắn thẻ sim thuê bao số 0911.554138;

- 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu vàng, gắn thẻ sim thuê bao số 0903.590145;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Janus, không lắp biển số đăng ký, màu sơn trắng, số máy: 103391, số khung: 103375.

Theo Kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 18/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD723675, tên người sử dụng đất: “Trương Bé T”, sinh năm 1982, địa chỉ thường trú: Ấp Thạnh Lộc 2, xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, đề ngày 21/12/2020 (ký hiệu A1) là giả.

+ Chữ ký mang tên “Lê Văn Ngọc” trên tài liệu giám định so với chữ ký của Lê Văn Ngọc trên các tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra.

+ Phôi và hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM* TỈNH BÌNH PHƯỚC-SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu giám định là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Hình dấu tròn có nội dung “ * CÔNG AN HUYỆN CỜ ĐỎ * CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ”, “ * S.Đ.K.H.Đ : 41020038 - C.T.H.Đ * QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH – VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 12” và “ * U.B.N.D XÃ TRUNG AN - HUYỆN CỜ ĐỎ - TP. CẦN THƠ” trên các tài liệu có ký hiệu từ A2 đến A4 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Dấu vân tay mang tên “Trương Bé T” trên các tài liệu có ký hiệu từ A5 đến A10 so với dấu vân tay ngón trỏ phải và ngón trỏ trái của Trương Bé T trên tài liệu “Biên bản làm việc về việc: thu thập dấu vân tay của ông Trương Bé T” đề ngày 15/3/2022 là của cùng một người in ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Bé T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 54; Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Bé T 05 (năm) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Bé T 03 (ba) năm tù về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trương Bé T phải chấp hành 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/3/2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Tại Quyết định kháng nghị số: 06/QĐ-VKSBC ngày 12/10/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát xác định:

Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt bị cáo Trương Bé T 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, chưa đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ: hành vi của bị cáo Trương Bé T đã thực hiện là chuỗi các hành vi có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi trước (cung cấp thông

tin cá nhân là đồng phạm hành vi làm giả) là điều kiện để thực hiện hành vi sau, hành vi sau là hậu quả tất yếu của hành vi trước (hành vi làm giả tài liệu, hành vi sử dụng tài liệu giả) đã thỏa mãn các dấu hiệu của làm giả và sử dụng tài liệu giả và mục đích cuối cùng là sử dụng tài liệu giả thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng khác là chiếm đoạt tài sản 300.000.000 đồng. Mặt khác, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là tội ghép được quy định trong cùng một điều luật, các hành vi trên cùng xâm phạm một khách thể là trật tự quản lý hành chính. Đồng thời Thuận sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng là phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Bé T 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là nhẹ so với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, bởi lẽ: Bị cáo phạm hai tội và có tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không áp dụng khi quyết định hình phạt và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (05 năm tù) là chưa phù hợp nên kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo hướng sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát về tội danh và hình phạt, tuyên bố bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và tăng hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tuyên bố bị cáo Trương Bé T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và tăng hình phạt 06 năm đến 07 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Tại phần tranh luận và trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát,

Kiểm sát viên, xét thấy: bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát lại xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là chưa phù hợp. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” nhưng không có nhận định về quan điểm của Hội đồng xét xử là thiếu sót. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án trong thời hạn quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, khoảng tháng 02/2022, bị cáo Trương Bé T lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 106, số BD723675 (số vào sổ cấp GCN: CS02810/Tân Hưng) đề ngày 21/12/2020 mang tên Trương Bé T, vị trí đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để đi cầm cố, thế chấp vay tiền. Vào ngày 05/3/2022, T đã dùng thủ đoạn gian dối đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Nguyễn Văn L để lấy số tiền 300.000.000 đồng và nhận tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản, dưới hình thức ủy quyền quyền sử dụng đất. Sau đó, T tiếp tục đặt làm giả 01 sổ hộ khẩu bản chính, 01 sổ hộ khẩu photo công chứng và 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đứng tên Trương Bé T để làm thủ tục công chứng ủy quyền quyền sử dụng đất nhằm mục đích tiếp tục chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng còn lại. Chiều ngày 10/3/2022, ông Nguyễn Văn L đã chuẩn bị sẵn số tiền 200.000.000 đồng và đến Văn phòng Công chứng B, thuộc khu phố 3B, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương gặp Thuận để ký kết hợp đồng và bàn giao tiền. Tại đây, T đã có hành vi nộp 04 tài liệu giả gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 sổ hộ khẩu, 01 bản sao sổ hộ khẩu có công chứng và 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Thư ký Văn phòng Công chứng làm thủ tục ký, công chứng Hợp đồng ủy quyền nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng còn lại thì bị Công chứng viên phát hiện (sau khi Thuận đã ký và lãn tay trong Hợp đồng ủy quyền), báo lực lượng Công an đến bắt giữ quả tang cùng tang vật.

Như vậy, qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Trương Bé T đã 02 lần đặt làm giả với tổng cộng 04 tài liệu; đồng thời, bị cáo Thuận đã trực tiếp sử dụng tài liệu giả để phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành các tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo Trương Bé T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b

khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, chưa đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như phân tích nhận định trên, hành vi của bị cáo Trương Bé T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát cho rằng hành vi của bị cáo đã thực hiện tội đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là không đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Kháng nghị cho rằng, bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không phù hợp, bởi lẽ hợp đồng đặt cọc đã ghi rõ số tiền chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, sau đó bị cáo yêu cầu bị hại giao số tiền còn lại theo hợp đồng, mục đích của bị cáo là chiếm đoạt số tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng nên quy kết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là không đúng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi phần lớn trả cho chủ sở hữu, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15, Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là có căn cứ, do đó kháng nghị đề nghị tăng hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, bị cáo thực hiện hai lần trở lên là tình tiết định khung theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặc dù hành vi của bị cáo cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự nhưng phạm tội thuộc trường hợp có hai tình tiết định khung theo các điểm b, c khoản 2 Điều 341 nên mức hình phạt 03 năm tù như Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về tội danh.

Tuyên bố bị cáo Trương Bé T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điều 15; Điều 38; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Bé T 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2022.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Bé T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (1);
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (2);
- VKSND thị xã Bến Cát (1);
- Công an thị xã Bến Cát (1);
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo 1;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, PHT 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ